

Bản án số: 131/2021/DS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Nữ Phà Ca

*Các Thẩm phán:*

Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc D; Cư trú tại: Thôn Ln, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Thảo Q; Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q:* Ông Trần Chính T1 - Văn phòng luật sư Trần Bá Tước thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Mỹ H; Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ Hồng: Anh Trần Hoàng T2; Cư trú tại: Đường P, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020).*

*- Người kháng cáo: Bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H.*

*- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Văn B trình bày:*

Ông D và chị Q có quan hệ tình cảm với nhau nên từ ngày 08/3/2018 đến ngày 15/4/2020 ông D nhiều lần chuyển tiền cho chị Q nhận thông qua hình thức chuyển tiền qua ngân hàng Agribank, Viettel, thẻ giới di động và đưa trực tiếp tiền mặt. Tổng cộng các khoản tiền ông D đã chuyển cho chị Q nhận từ năm 2018 đến năm 2020 theo các biên nhận ông D cung cấp bằng số tiền 2.800.000.000 đồng. Mục đích ông D chuyển các khoản tiền trên theo đề nghị của chị Q nhằm xây dựng nhà ở tại Vĩnh Long để sau này hai người sống chung và đưa cho bà H (mẹ chị Q) trả nợ ngân hàng, người thân. Nhưng sau khi xây nhà xong thì chị Q lừa dối ông bằng cách nói là chị Q đã đi định cư nước ngoài, sau đó chị Q đã cắt đứt liên lạc với ông. Đến ngày 07/6/2020 ông D trực tiếp vào Vĩnh Long để gặp chị Q và chị Q đã viết cam kết chốt nợ thừa nhận nợ ông 2.600.000.000 đồng và hai bên lập cam kết thỏa thuận nếu ngày 30/6/2020 chị Q trả cho ông D 1.300.000.000 đồng thì ông D đồng ý cho chị Q 50% số tiền 2,6 tỷ tương đương số tiền 1,3 tỷ. Tuy nhiên, sau đó chị Q không thực hiện cam kết trên và cắt đứt liên lạc với ông. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu chị Q và bà H (mẹ chị Q) có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền đã nhận 2.800.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020 giữa ông D và chị phát sinh quan hệ tình cảm nên ông D nhiều lần chuyển tiền để cho chị sinh sống hàng ngày, tiêu xài cá nhân, chi tiêu cho việc du lịch của hai người, mua vé máy bay cho ông D. Chị đồng ý trả cho ông D số tiền 1.300.000.000 đồng vì theo nội dung tờ cam kết lập ngày 07/6/2020, ông D đã đồng ý cho chị số tiền 1.300.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H trình bày:*

Năm 2018 bà cất căn nhà ở phường 8, thành phố V trên nền nhà cũ trị giá khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, từ nguồn tiền dành dụm của gia đình bà và tiền vay ngân hàng chứ không liên quan đến ông D. Bà không có nhận bất cứ khoảng tiền nào mà ông D gửi cho Q, việc ông D chuyển tiền cho Q thì bà hoàn toàn không liên quan và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều 144, 147, 150, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D yêu cầu chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền 2.600.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D yêu cầu chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng.

Buộc chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền 2.600.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, chị Q chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền là 1.300.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 07/6/2020.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu bà liên đới cùng Q trả tiền cho ông D vì bà hoàn toàn không liên quan đến chuyện tiền bạc giữa ông D và Q.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q và người đại diện hợp pháp của bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị Q thừa nhận từ năm 2018 đến năm 2020 ông D nhiều lần chuyển tiền cho chị tổng cộng 2.600.000.000 đồng. Mục đích để chị tiêu xài, phục vụ sinh

hoạt khi ông D vào Vĩnh Long thăm chị, nhận chuyển nhượng đất ở Cần Thơ 750.000.000 đồng và đầu tư kinh doanh. Ngày 07/6/2020 ông D đã có văn bản đồng ý cho chị 50% số tiền tương đương 1.300.000.000 đồng. Vì vậy án sơ thẩm buộc chị và bà H liên đới trả toàn bộ số tiền 2.600.000.000 đồng cho ông D là không phù hợp thỏa thuận của hai bên. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm. Ông D và án sơ thẩm buộc bà H liên đới cùng chị Q trả cho ông D số tiền 2.600.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H có nhận tiền của ông D hay giao dịch giữa chị Q, ông D có liên quan đến bà H. Tờ cam kết ngày 07/6/2020 giữa ông D với chị Q không có giá trị ràng buộc hay phát sinh nghĩa vụ của bà H. Không đồng ý với vị Kiểm sát viên tại phiên tòa rút toàn bộ kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút toàn bộ kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2020/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q đề nghị: Chấp nhận kháng cáo chị Q, sửa bản án sơ thẩm. Căn cứ tờ cam kết lập ngày 07/6/2020 giữa ông D với chị Q được lập trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Ông D đã đồng ý cho chị Q 50% số tiền tương đương 1.300.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.300.000.000 đồng ông D cho chị Q thời hạn trả trước ngày 30/6/2020 nhưng chị Q gặp khó khăn không thể thực hiện được. Án sơ thẩm và ông D cho rằng thỏa thuận trên là giao dịch có điều kiện là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Không đồng ý với vị Kiểm sát viên tại phiên tòa rút toàn bộ kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 284, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-

DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D. Buộc bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền 2.600.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ngày 17/9/2021 ông D có đơn xin xét xử vắng mặt phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông D.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án chị Q thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 ông D nhiều lần chuyển tiền cho chị Q nhận thông qua tài khoản ngân hàng số 7309205048265 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và chị Q nhận thông qua Viettel, thế giới di động. Tổng số tiền chị Q đã nhận là 2.651.000.000 đồng. Chị Q thừa nhận các khoản tiền theo các biên nhận do ông D cung cấp tại Tòa án là do ông D chuyển cho chị nhằm tiêu xài cá nhân, phục vụ sinh hoạt giữa chị với ông D mỗi khi ông D vào Vĩnh Long thăm chị, chi vào việc nhận chuyển nhượng đất ở Cần Thơ và công việc kinh doanh riêng của chị Q. Tuy nhiên, ngày 07/6/2020 tại nhà số 26, Đình Tiên Hoàng, phường 8, thành phố V, ông D lập tờ cam kết và buộc chị ký tên vào thì ông D đã đồng ý cho chị 50% số tiền tương đương 1.300.000.000 đồng. Chị Q kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền 1.300.000.000 đồng và xác định số tiền ông D đồng ý cho chị 50% tương đương số tiền 1.300.000.000 đồng theo tờ cam kết lập ngày 07/6/2020 đã có hiệu lực, khi ký kết ông D hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ông D, không trái pháp luật, đạo đức, xã hội nên phải được công nhận và căn cứ khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông D không có quyền đòi lại.

[3] Xét nội dung tờ cam kết vay nợ tiền lập ngày 07/6/2020 tại nhà số 26, Đình Tiên Hoàng, phường 8, thành phố V giữa ông Nguyễn Quốc D và chị Đặng Thị Thảo Q thể hiện: *“Do quan hệ quen biết tôi có cho cô Đặng Thị Thảo Q vay số tiền 2.600.000.000 đồng thông qua nộp tài khoản tại Ngân hàng Agribank – Khu công nghiệp H số tài khoản 7309205049265 có chứng cứ gốc kèm theo. Số tiền này cô Đặng Thị Thảo Q đã dùng vào việc xây ngôi nhà 3 tầng trên bìa đỏ đứng tên của mẹ cô Quyên là Trần Thị Mỹ H và dùng vào việc trả nợ ngân hàng vay tại Agribank – Khu công nghiệp H do mẹ cô Q là bà H vay nợ và bố cô Q vay nợ tại ngân hàng và mua sắm đồ nội thất giường tủ, bếp của ngôi*

*nhà 3 tầng. Đến ngày 30/4/2020 cô Q đã cắt đứt liên lạc bỏ đi trốn và tôi không liên lạc được bằng số điện thoại cũ nữa số điện thoại 0899960666 và nói đã bay đi nước Mỹ ngày 30/4/2020. Hôm nay, 07/6/2020 tôi mới gặp được tại nhà cô Q và yêu cầu ghi ký nhận cam kết trả nợ và vay nợ tiền của tôi. Hai bên cam kết tôi cho cô Q 50% là 1 tỷ 300 triệu còn lại 1 tỷ 300 triệu cô Q có trách nhiệm ký nhận vay nợ sẽ trả lại vào trước 30/6/2020. Hai bên làm cam kết thống nhất cùng ký tên, nếu bên vay nợ không thực hiện đúng cam kết bên cho vay nợ sẽ gửi hồ sơ đến cơ quan pháp luật để giải quyết”.*

Chị Q thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên dưới mục bên vay nợ là của chị và thừa nhận hai bên có thỏa thuận nội dung tờ cam kết trên. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc thừa nhận của chị Q là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét tờ cam kết lập ngày 07/6/2020 các đương sự thừa nhận được lập trên cơ sở tự nguyện và hai bên có ấn định thời gian phía chị Q phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông D số tiền 1.300.000.000 đồng trước ngày 30/6/2020. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Q thừa nhận đến ngày 30/6/2020 thì chị không có trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông D lý do điều kiện kinh tế chị gặp khó khăn nên chị không thực hiện được nội dung cam kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng hai bên thỏa thuận đến ngày 30/6/2020 chị Q phải trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông nhưng chị Q không thực hiện đúng thỏa thuận không trả tiền cho ông và trốn tránh không gặp mặt, nghe điện thoại của ông. Ông thỏa thuận cho chị Q số tiền 1.300.000.000 đồng là có điều kiện. Nay chị Q không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận là chị Q vi phạm cam kết nên ông không đồng ý cho chị Q số tiền 1.300.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 120, Điều 278, Điều 284 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thỏa thuận giữa ông D, chị Q là giao dịch dân sự có điều kiện. Ông D có thỏa thuận tặng cho chị Q 50% số tiền tương đương 1.300.000.000 đồng và đồng thời ấn định số tiền còn lại là 50% tương đương số tiền 1.300.000.000 đồng chị Q có nghĩa vụ phải trả cho ông D trước ngày 30/6/2020. Tuy nhiên, chị Q thừa nhận đến nay chị vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông D. Do đó, có căn cứ xác định chị Q đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền do hai bên thỏa thuận nên ông D hủy bỏ thỏa thuận tặng cho chị Q 50% số tiền tương đương 1.300.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Vì vậy, chị Q kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, đề nghị chỉ buộc chị Q trả cho ông D số tiền 1.300.000.000 đồng và phải thực hiện theo tờ cam kết ngày 07/6/2020 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo bà Trần Thị Mỹ H không đồng ý liên đới cùng chị Q trả tiền cho ông D số tiền 2.600.000.000 đồng. Bà H cho rằng nội dung tờ cam kết lập ngày 07/6/2020 giữa chị Q với ông D hoàn toàn không liên quan đến bà.

Chị Q cho rằng tờ cam kết lập ngày 07/6/2020 giữa chị Q với ông D là hoàn toàn tự nguyện thể hiện đúng ý chí các bên và có hiệu lực thi hành. Theo nội dung tờ cam kết thể hiện chị Q sử dụng số tiền 2.600.000.000 đồng nhận của ông D vào các mục đích như *“xây ngôi nhà 3 tầng do Trần Thị Mỹ H đứng tên quyền sử dụng đất và sở hữu nhà và dùng vào việc trả nợ ngân hàng vay tại Agribank – Khu công nghiệp H do mẹ cô Q là bà H vay nợ và bố cô Q vay nợ tại ngân hàng và mua sắm đồ nội thất giường tủ, bếp của ngôi nhà 3 tầng”*. Ngoài ra, tại phiên tòa chị Q thừa nhận, trong thời gian chị và ông D có quan hệ tình cảm nhưng do khoảng cách xa về địa lý nên phương thức liên lạc của hai người là điện thoại và nhắn tin. Tại bút lục 76, chị Q nhắn cho ông D: *“Cho em xin lỗi”, “Nhà a xây mà đuổi anh”*. *“E nợ a những gì em cũng cố gắng trả voi đi cho anh, công ơn a lớn lắm. Nhưng nhìn cảnh cha mẹ, anh chị cô 10 em muốn làm gì đó cho họ, thay vì toàn dựa vào a”*.

Đồng thời, trong quá trình ông D quen biết chị Q thì giữa ông D, chị Q và bà H có nhiều cuộc nói chuyện qua điện thoại và ông D cung cấp các file ghi âm. Tại đoạn ghi âm ngày 03/6/2020, trong đó có nội dung:

“Ông D nói: *“Ý con nói là cái tiền 200 triệu hôm con chuyển vào là Q nó bảo má đi trả ngân hàng rồi đúng không”*. Bà H trả lời: *“Dạ”*.

Ông D nói: *“Hôm con chuyển khoản”*. Bà H trả lời: *“Dạ, trả rồi thì chú gọi tôi nói đó trả đó và nó có nói với chú mà”*.

Ông D nói: *“Ý là cái 200 triệu hôm con chuyển vào để má trả ngân hàng”*. Bà H trả lời: *“trả rồi, dạ trả rồi”*.

Ông D nói: *“Thế còn cái 90 triệu của chú vay là cũng trả rồi chứ gì”*. Bà H trả lời: *“dạ nghe nó nói trả rồi”*.

Ông D nói: *“Vì hôm trước tết con gửi vào 100 triệu”*. Bà H trả lời: *“thì nghe nó nói trả rồi chứ tôi cũng không có biết gì đâu”*.

Ông D nói: *“Má xem từ lúc con vào đây nhà cháy như thế con mà tính toán nói đi nói lại thì sao con chuyển tiền má xây ngôi nhà 3 tầng giờ được như vậy đúng không”*. Bà H trả lời: *“dạ”*.

Bà H thừa nhận giọng nói nữ trong đoạn ghi âm ngày 03/6/2020 là của bà và không yêu cầu giám định giọng nói bà H. Ngoài ra, bà H thừa nhận năm 2020 bà có vay tiền của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng Giao dịch Khu công nghiệp H, số tiền vay 200.000.000 đồng và bà đã tắt toán tiền cho ngân hàng xong bằng nguồn tiền bán bò, thu hoa lợi từ việc trồng trọt. Riêng nguồn tiền xây dựng căn nhà 03 tầng số 26 khoảng 1.100.000.000 đồng vào năm 2016 là từ nguồn tiền của bà. Ngoài lời trình bày bà H cũng không chứng minh được chi phí thực tế và nguồn tiền để xây dựng căn nhà 03 tầng tọa lạc số 26 và nguồn tiền trả ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng ngày 27/5/2019 thể hiện ngày 20/5/2020 hết hạn vay ngân

hàng và tại phiếu chuyển tiền ngày 15/4/2020 ông D chuyển vào tài khoản của chị Q số tiền 205.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của ông D.

Xét chị Q và bà H không thừa nhận sử dụng số tiền trên để trả tiền vay ngân hàng và xây dựng nhà. Chị Q cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020 giữa ông D và chị Q phát sinh quan hệ tình cảm thì ông D nhiều lần chuyển tiền cho chị để chị sinh sống hàng ngày, tiêu xài cá nhân, chi tiêu cho việc du lịch của hai người, mua vé máy bay cho ông D, mua đất ở Cần Thơ và kinh doanh riêng. Ngoài lời trình bày, chị Q không có chứng cứ chứng minh mục đích của việc đã sử dụng số tiền 2.600.000.000 đồng trên. Bên cạnh đó, bà H và chị Q đều cho rằng thầu nhận xây dựng căn nhà 03 tầng số 26 là ông H1 ngụ tại B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, trong quá trình xây dựng căn nhà thì bà H là người đứng ra chi trả tiền cho ông H1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với ông Nguyễn Văn H1 là người nhận xây dựng căn nhà số 26, phường 8, thành phố V thừa nhận ngày 05/4/2018 ông với ông D thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công đối với căn nhà trên chứ không ký kết với bà H, chị Q, trong quá trình xây dựng thì ông thực hiện việc trao đổi với ông D thông qua điện thoại chị Q và người thanh toán tiền là chị Q chứ không phải bà H. Mặt khác, tại giấy chuyển tiền ngày 12/4/2019, ngày 08/5/2019, ngày 14/5/2019, ngày 02/8/2019, ngày 25/3/2020 do ông D chuyển cho chị Q đều có nội dung trả tiền mua vật liệu, trả tiền mua máy và hợp đồng nhân công thi công xây dựng nhà ở 01 trệt, 02 lầu tại địa chỉ số 26, khóm 3, đường Đ, phường 8, thành phố V.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định chị Q đã sử dụng số tiền 2.600.000.000 đồng vào việc trả tiền ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng Giao dịch Khu công nghiệp H, số tiền vay 200.000.000 đồng do bà H là người đứng tên vay và xây dựng, mua trang thiết bị nội thất căn nhà 03 tầng, số 26, đường Đ, phường 8, thành phố V hiện do bà Trần Thị Mỹ H và chị Q quản lý sử dụng. Do đó, án sơ thẩm buộc chị Q, bà H liên đới trả số tiền 2.600.000.000 đồng cho ông D là có căn cứ nên bà H kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị Q trả số tiền 2.600.000.000 đồng cho ông D là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút toàn bộ kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2020/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định trên. Căn cứ Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí tương ứng số tiền phải trả cho ông D. Cụ thể:

$2.600.000.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% (2.600.000.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng} = 600.000.000 \text{ đồng}) = 84.000.000 \text{ đồng}$  và mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Số tiền chị Q và bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng theo biên lai số 6351, số 6352 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 84.000.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 92, Điều 284, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đặng Thị Thảo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 467/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 120, Điều 278, Điều 284, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D.

Buộc chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 84.000.000 đồng và mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Số tiền chị Q và bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng theo biên lai số 6351, số 6352 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc chị Đặng Thị Thảo Q và bà Trần Thị Mỹ H phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.LH: 01;
- VKSND H.LH: 01;
- Chi Cục THADS H.LH: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Sơn Nữ Phà Ca**